

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BÔNG BẠCH TUYẾT**

## MỤC LỤC

|                                                                                                 | Trang   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1. Mục lục                                                                                      | 1       |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị                                                                | 2 - 3   |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập                                                                    | 4 - 5   |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019                                           | 6 - 9   |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 10      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019           | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019    | 13 - 33 |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300715584, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 5 năm 1998 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 3 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (028) 397 51 493 – 376 52 516
- Fax : (028) 397 44 024 – 376 52 515

Công ty có Nhà máy sản xuất đặt tại địa chỉ B52-B54/I đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất và kinh doanh các loại bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp – xây dựng – điện – điện tử;
- Kinh doanh các loại bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng;
- Mua bán lương thực, thực phẩm, trang thiết bị y tế, hàng gia dụng, văn phòng phẩm, văn hoá phẩm có nội dung được phép lưu hành;
- Môi giới thương mại; kinh doanh nhà ở; cho thuê văn phòng;
- Sản xuất và mua bán các loại băng, gạc y tế;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, dịch vụ giữ xe.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên             | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Đoàn Văn Sơn      | Chủ tịch   | Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019   |
| Ông Nguyễn Khánh Linh | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019     |
| Bà Võ Thị Bích Thủy   | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019   |
| Ông Lê Hùng           | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019   |
| Ông Dương Thanh Phong | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019   |
| Bà Phan Thị Phượng    | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019   |
| Ông Đoàn Văn Sơn      | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Đông Hải   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019     |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên              | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|------------------------|------------|-------------------------------------|
| Bà Lại Thị Thủy Nga    | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019 |
| Ông Lê Ngọc Hùng       | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019   |
| Ông Ngô Túc Duy Tân    | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019 |
| Ông Lê Phan Hoàng Long | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019   |
| Bà Đoàn Thị Thu Hương  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019   |





**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên              | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|------------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Bà Võ Thị Bích Thúy    | Tổng Giám đốc     | Miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2020   |
| Ông Phạm Xuân Đồng     | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2020     |
| Ông Ngô Xuân Hương     | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2019 |
|                        |                   | Miễn nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2020  |
| Ông Phạm Xuân Đồng     | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2019     |
|                        |                   | Miễn nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2020   |
| Bà Nguyễn Thị Minh Tâm | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2019   |
| Bà Ngô Thị Thu Trang   | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2019     |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên           | Chức vụ       | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|---------------------|---------------|-------------------------------------|
| Bà Võ Thị Bích Thúy | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2020 |
| Ông Phạm Xuân Đồng  | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2020   |

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**  
  
**Nguyễn Khánh Linh**  
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2020





|                     |                                                                              |                          |
|---------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| Head Office         | : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam               |                          |
|                     | Tel: +84 (028) 3547 2972                                                     | Fax: +84 (028) 3547 2970 |
| Branch in Hà Nội    | : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam                       |                          |
|                     | Tel: +84 (024) 3736 7879                                                     | Fax: +84 (024) 3736 7869 |
| Branch in Nha Trang | : Lot 8/11 98A/6, Lê Hồng Phong St., Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam |                          |
|                     | Tel: +84 (0258) 246 5151                                                     | Fax: +84 (0258) 246 5806 |
| Branch in Cần Thơ   | : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam            |                          |
|                     | Tel: +84 (0292) 376 4995                                                     | Fax: +84 (0292) 376 4995 |

ktv@a-c.com.vn

ktv.hn@a-c.com.vn

ktv.nt@a-c.com.vn

ktv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0901/20/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác không rõ đối tượng có giá trị sổ sách là 10.977.702.212 VND (xem thuyết minh V.17a)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1



Nguyễn Phước Hồng Hạnh - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2058-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020





**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                            |  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         |  | <b>100</b> |             | <b>67.137.701.989</b> | <b>64.960.350.564</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        |  | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>8.145.220.076</b>  | <b>2.062.660.680</b>  |
| 1. Tiền                                             |  | 111        |             | 8.145.220.076         | 2.062.660.680         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       |  | 112        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                |  | <b>120</b> |             | <b>5.150.256.492</b>  | <b>21.637.288.700</b> |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           |  | 121        | V.2a        | 188.843.565           | 4.894.486.750         |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         |  | 122        | V.2a        | (38.587.074)          | (3.457.198.050)       |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  |  | 123        | V.2b        | 5.000.000.000         | 20.200.000.000        |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             |  | <b>130</b> |             | <b>28.609.332.689</b> | <b>17.946.469.247</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 |  | 131        | V.3         | 22.500.405.914        | 17.156.310.552        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 |  | 132        | V.4         | 5.828.794.246         | 816.238.698           |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         |  | 133        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng |  | 134        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     |  | 135        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           |  | 136        | V.5         | 3.737.834.349         | 3.431.621.817         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               |  | 137        | V.6         | (3.457.701.820)       | (3.457.701.820)       |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          |  | 139        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             |  | <b>140</b> |             | <b>25.023.386.919</b> | <b>23.152.321.367</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     |  | 141        | V.7         | 25.023.386.919        | 23.152.321.367        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   |  | 149        |             | -                     | -                     |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     |  | <b>150</b> |             | <b>209.505.813</b>    | <b>161.610.570</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       |  | 151        | V.8a        | 114.665.304           | 124.592.822           |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              |  | 152        |             | -                     | -                     |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         |  | 153        | V.13        | 94.840.509            | 37.017.748            |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       |  | 154        |             | -                     | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            |  | 155        |             | -                     | -                     |

9300

CỘNG  
CỔ P  
NG BẠC

H - T.P

1498

NG  
HIỆM  
H VÀ  
&

T.P

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                        | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                 |            |             |                       |                       |
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>32.288.041.851</b> | <b>31.163.951.279</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                     | -                     |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                     | -                     |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                     | -                     |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>26.235.472.725</b> | <b>25.990.562.791</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 26.211.276.158        | 25.958.286.228        |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 74.450.618.441        | 87.638.813.715        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (48.239.342.283)      | (61.680.527.487)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                     | -                     |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                     | -                     |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                     | -                     |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | 24.196.567            | 32.276.563            |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 40.400.000            | 40.400.000            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (16.203.433)          | (8.123.437)           |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                     | -                     |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                     | -                     |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>1.254.342.425</b>  | -                     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                     | -                     |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.11        | 1.254.342.425         | -                     |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                     | -                     |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                     | -                     |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                     | -                     |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                     | -                     |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>4.798.226.701</b>  | <b>5.173.388.488</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 4.798.226.701         | 5.173.388.488         |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                     | -                     |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                     | -                     |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>99.425.743.840</b> | <b>96.124.391.843</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                            |  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>                               |  | <b>300</b> |             | <b>55.905.521.502</b> | <b>69.989.465.100</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               |  | <b>310</b> |             | <b>55.290.156.605</b> | <b>69.375.589.100</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      |  | 311        | V.12        | 5.366.446.649         | 5.426.683.812         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                |  | 312        | V.13        | 9.118.157.271         | 9.000.346.426         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              |  | 313        | V.14        | 4.479.793.915         | 2.890.331.409         |
| 4. Phải trả người lao động                          |  | 314        | V.15        | 4.837.997.363         | 2.457.101.160         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        |  | 315        | V.16        | 8.748.145.360         | 34.200.543.273        |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         |  | 316        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng |  | 317        |             | -                     | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                |  | 318        |             | -                     | -                     |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           |  | 319        | V.17a,c     | 16.564.850.597        | 13.955.096.858        |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               |  | 320        | V.18        | 6.000.000.000         | 1.299.220.712         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      |  | 321        | V.19        | 174.765.450           | 146.265.450           |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       |  | 322        |             | -                     | -                     |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 |  | 323        |             | -                     | -                     |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      |  | 324        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               |  | <b>330</b> |             | <b>615.364.897</b>    | <b>613.876.000</b>    |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       |  | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 |  | 332        |             | -                     | -                     |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         |  | 333        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                |  | 334        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          |  | 335        |             | -                     | -                     |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 |  | 336        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            |  | 337        | V.17b,c     | 615.364.897           | 613.876.000           |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 |  | 338        |             | -                     | -                     |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            |  | 339        |             | -                     | -                     |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 |  | 340        |             | -                     | -                     |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 |  | 341        |             | -                     | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       |  | 342        |             | -                     | -                     |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            |  | 343        |             | -                     | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>43.520.222.338</b> | <b>26.134.836.743</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>43.520.222.338</b> | <b>26.134.836.743</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.20        | 68.400.000.000        | 68.400.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 68.400.000.000        | 68.400.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                            | 411b       |             | -                     | -                     |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | -                     | -                     |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                     | -                     |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                     | -                     |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                              | 415        |             | -                     | -                     |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                     | -                     |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                     | -                     |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.20        | 9.474.344.616         | 9.474.344.616         |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                     | -                     |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                     | -                     |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.20        | (34.354.122.278)      | (51.739.507.873)      |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | (51.739.507.873)      | (51.739.507.873)      |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 17.385.385.595        | -                     |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| 1. Nguồn kinh phí                                            | 431        |             | -                     | -                     |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>99.425.743.840</b> | <b>96.124.301.843</b> |


Nguyễn Thanh Tâm  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Phạm Xuân Đồng  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước      |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 116.895.775.175 | 97.587.604.545 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VI.2        | 8.294.851.177   | 6.084.816.802  |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 108.600.923.998 | 91.502.787.743 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.3        | 70.371.458.172  | 59.143.177.384 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 38.229.465.826  | 32.359.610.359 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.4        | 1.313.285.768   | 1.033.686.830  |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.5        | 60.710.181      | 426.638.976    |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 59.863.014      | -              |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.6        | 6.561.298.532   | 6.386.072.717  |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.7        | 14.968.250.216  | 13.330.633.786 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 17.952.492.665  | 13.249.951.710 |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.8        | 4.392.305.519   | 153.887.903    |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.9        | 501.291.472     | 628.790.043    |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 3.891.014.047   | (474.902.140)  |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 21.843.506.712  | 12.775.049.570 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.14        | 4.458.121.117   | 2.663.317.321  |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -               | -              |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 17.385.385.595  | 10.111.732.249 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.10       | 2.542           | 1.478          |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.10       | 2.542           | 1.478          |


Nguyễn Thanh Tâm  
Kế toán trưởngPhạm Xuân Đồng  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số | Thuyết minh      | Năm nay                | Năm trước               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------|------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                          |       |                  |                        |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                    | 01    |                  | 21.843.506.712         | 12.775.049.570          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                               |       |                  |                        |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                          | 02    | V.9, V.10        | 3.228.439.312          | 3.131.909.698           |
| - Các khoản dự phòng                                                                       | 03    | V.2a, V.6, V.18  | 26.305.500             | 150.312.482             |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04    | V.14             | -                      | (429.828)               |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                              | 05    | V.14, V.18       | (1.320.631.674)        | (1.024.031.085)         |
| - Chi phí lãi vay                                                                          | 06    | V.15             | 59.863.014             | -                       |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                | 07    |                  | -                      | -                       |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08    |                  | 23.837.482.864         | 15.032.810.837          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                            | 09    |                  | (5.123.261.263)        | (2.039.170.010)         |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                  | 10    |                  | (1.871.065.552)        | (7.873.835.066)         |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                            | 11    |                  | 4.201.337.666          | (6.507.608.182)         |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                             | 12    |                  | 385.089.305            | 599.525.704             |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                        | 13    |                  | 1.289.226.708          | -                       |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                      | 14    | V.16, V.17, V.15 | (24.613.578.417)       | (9.200.000.000)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 15    | V.13             | (2.811.317.321)        | (1.156.011.543)         |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | 16    |                  | -                      | -                       |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                   | 17    |                  | -                      | -                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | 20    |                  | <b>(4.706.086.010)</b> | <b>(11.144.288.260)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                             |       |                  |                        |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21    | V.9, V.11, VII   | (10.488.359.935)       | (1.310.066.201)         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22    | V.9, V.18        | 310.000.000            | -                       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23    | V.2b             | (26.000.000.000)       | (45.900.000.000)        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24    | V.2b             | 41.200.000.000         | 55.645.000.000          |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 25    |                  | -                      | -                       |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                             | 26    |                  | -                      | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27    | V.5, V.14        | 1.066.226.053          | 1.156.153.983           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                           | 30    |                  | <b>6.087.866.118</b>   | <b>9.591.087.782</b>    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay              | Năm trước              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|----------------------|------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |           |             |                      |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                    | -                      |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                    | -                      |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33        | V.18        | 22.700.779.288       | -                      |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34        | V.18        | (18.000.000.000)     | -                      |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35        |             | -                    | -                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        |             | -                    | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                        | <b>40</b> |             | <b>4.700.779.288</b> | <b>-</b>               |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                     | <b>50</b> |             | <b>6.082.559.396</b> | <b>(1.553.200.478)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                    | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>2.062.660.680</b> | <b>3.615.431.330</b>   |
| <b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>                             | <b>61</b> | <b>VI.4</b> | <b>-</b>             | <b>429.828</b>         |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>8.145.220.076</b> | <b>2.062.660.680</b>   |



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Phạm Xuân Đồng  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tâm  
Kế toán trưởng

# CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các loại bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng; Mua bán trang thiết bị y tế, các loại băng, gạc y tế.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo sổ là Nhà máy sản xuất, địa chỉ tại B52-B54/I đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 179 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 162 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

#### 3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

00715

ÔNG

Ở PH

BẠCH

0044

CÔNG

CH NH

TOÁN

A 8

H-T

0044

CÔNG

CH NH

TOÁN

A 8

H-T



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 04 - 50       |
| Máy móc và thiết bị             | 03 - 15       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 - 12       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 05       |
| Tài sản cố định hữu hình khác   | 03            |

9815-C.T.  
Y  
N  
TUYẾT  
CHÍNH

9815-C.T.  
TY  
HỮU HẠN  
VÀ TƯ VẤN  
C  
HỒ CHÍ MINH

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm Chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

##### *Dự phòng trợ cấp thôi việc*

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 13. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

#### 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                 | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt                        | 841.882.979          | 510.628.472          |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 7.303.337.097        | 1.552.032.208        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>8.145.220.076</b> | <b>2.062.660.680</b> |

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**2a. Chứng khoán kinh doanh**

|                                                                     | <u>Số cuối năm</u> |                       |                     | <u>Số đầu năm</u>    |                       |                      |
|---------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|---------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
|                                                                     | <u>Giá gốc</u>     | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Dự phòng</u>     | <u>Giá gốc</u>       | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Dự phòng</u>      |
| <b>Cổ phiếu</b>                                                     |                    |                       |                     |                      |                       |                      |
| Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa (BBC)                             | 144.545.500        | 187.492.500           | -                   | 144.545.500          | 285.245.000           | -                    |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GIL) | 25.042             | -                     | -                   | 42.871.250           | 43.750.000            | -                    |
| Công ty Cổ phần Gemadept (GMD)                                      | -                  | -                     | -                   | 536.000.000          | 156.900.000           | 379.100.000          |
| Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (HNH)                                    | 43.320.000         | 5.400.000             | (37.920.000)        | 43.320.000           | 3.240.000             | 40.080.000           |
| Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE)                                  | \$27.826           | 255.500               | (572.326)           | 3.560.480.000        | 927.295.600           | 2.633.184.400        |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)                             | 125.197            | 30.450                | (94.748)            | 567.270.000          | 162.436.350           | 404.833.650          |
| <b>Cộng</b>                                                         | <b>188.843.565</b> | <b>193.178.450</b>    | <b>(38.587.074)</b> | <b>4.894.486.750</b> | <b>1.578.866.950</b>  | <b>3.457.198.050</b> |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

|                                | <u>Năm nay</u>    | <u>Năm trước</u>     |
|--------------------------------|-------------------|----------------------|
| Số đầu năm                     | 3.457.198.050     | 3.036.299.450        |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng | (2.194.500)       | 420.898.600          |
| Giảm do bán chứng khoán        | (3.416.416.476)   | -                    |
| <b>Số cuối năm</b>             | <b>38.587.074</b> | <b>3.457.198.050</b> |

**2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 06 tháng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|                                              | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Tân Hà Sáng                     | 5.351.651.981         | 4.844.079.535         |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha | 2.201.099.430         | 1.754.607.689         |
| Công ty TNHH Thiết bị Y tế EMC               | 4.720.136.635         | 2.077.343.623         |
| Nợ phải thu không rõ đối tượng               | 1.134.256.732         | 1.134.256.732         |
| Các khách hàng khác                          | 9.093.261.136         | 7.346.022.973         |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>22.500.405.914</b> | <b>17.156.310.552</b> |

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|                                                           | Số cuối năm          | Số đầu năm         |
|-----------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Công ty TNHH Nội hơi Đình Việt                            | 1.892.000.000        | -                  |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Green World        | 1.684.188.542        | -                  |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Thương mại Xây dựng Lê Hoàng Tuấn | 639.537.800          | -                  |
| Hefei Fast Nonwomen Products Co., Ltd.                    | -                    | 385.440.000        |
| Các nhà cung cấp khác                                     | 1.613.067.904        | 430.798.698        |
| <b>Cộng</b>                                               | <b>5.828.794.246</b> | <b>816.238.698</b> |

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

|                                       | Số cuối năm          |                      | Số đầu năm           |                      |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|                                       | Giá trị              | Dự phòng             | Giá trị              | Dự phòng             |
| Tạm ứng không rõ đối tượng            | 233.937.629          | 233.937.629          | 233.937.629          | 233.937.629          |
| Tạm ứng cho nhân viên                 | 536.034.483          | -                    | 246.967.303          | -                    |
| Lãi dự thu                            | 337.854.552          | -                    | 282.180.031          | -                    |
| Các khoản phải thu không rõ đối tượng | 1.966.781.043        | 1.966.781.043        | 1.966.781.043        | 1.966.781.043        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác      | 663.226.642          | -                    | 701.755.811          | -                    |
| <b>Cộng</b>                           | <b>3.737.834.349</b> | <b>2.200.718.672</b> | <b>3.431.621.817</b> | <b>2.200.718.672</b> |

**6. Nợ xấu**

|                                                      | Số cuối năm          |                        | Số đầu năm           |                        |
|------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
|                                                      | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi |
| Khoản nợ phải thu khách hàng quá hạn trên 03 năm     | 1.157.396.052        | -                      | 1.157.396.052        | -                      |
| Khoản nợ trả trước cho người bán quá hạn trên 03 năm | 47.087.096           | -                      | 47.087.096           | -                      |
| Khoản nợ tạm ứng quá hạn trên 03 năm                 | 233.937.629          | -                      | 233.937.629          | -                      |
| Khoản nợ phải thu ngắn hạn khác quá hạn trên 03 năm  | 2.019.281.043        | -                      | 2.019.281.043        | -                      |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>3.457.701.820</b> | <b>-</b>               | <b>3.457.701.820</b> | <b>-</b>               |

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                    | Năm nay              | Năm trước            |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm         | 3.457.701.820        | 3.589.890.938        |
| Hoàn nhập dự phòng | -                    | (132.189.118)        |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>3.457.701.820</b> | <b>3.457.701.820</b> |

**7. Hàng tồn kho**

|                                      | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                      | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 13.754.750.940        | -        | 13.759.322.607        | -        |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1.563.379.227         | -        | 1.762.358.422         | -        |
| Thành phẩm                           | 9.667.873.477         | -        | 7.630.640.338         | -        |
| Hàng hóa                             | 37.383.275            | -        | -                     | -        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>25.023.386.919</b> | <b>-</b> | <b>23.152.321.367</b> | <b>-</b> |

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                     | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ                    | 22.416.669         | 8.524.457          |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 92.248.635         | 116.068.365        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>114.665.304</b> | <b>124.592.822</b> |

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                  | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền thuê đất    | 4.135.507.375        | 4.271.551.003        |
| Công cụ, dụng cụ | 662.719.326          | 901.837.485          |
| <b>Cộng</b>      | <b>4.798.226.701</b> | <b>5.173.388.488</b> |

**9. Tài sản cố định hữu hình**

|                                         | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị   | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Cộng                  |
|-----------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                       |                        |                       |                                 |                           |                               |                       |
| Số đầu năm                              | 19.931.705.737         | 63.507.647.998        | 3.022.692.393                   | 986.711.341               | 190.056.246                   | 87.638.813.715        |
| Mua trong năm                           | -                      | 1.635.250.000         | -                               | 262.621.091               | 212.741.455                   | 2.110.612.546         |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành       | 1.229.005.600          | 245.000.000           | -                               | -                         | -                             | 1.474.005.600         |
| Thanh lý, nhượng bán                    | (921.280.000)          | (15.565.020.326)      | -                               | (211.855.241)             | -                             | (16.698.155.567)      |
| Giảm do xuất tài sản để cải tạo máy móc | -                      | (74.657.853)          | -                               | -                         | -                             | (74.657.853)          |
| <b>Số cuối năm</b>                      | <b>20.239.431.337</b>  | <b>49.748.219.819</b> | <b>3.022.692.393</b>            | <b>1.037.477.191</b>      | <b>402.797.701</b>            | <b>74.450.618.441</b> |
| <b>Trong đó:</b>                        |                        |                       |                                 |                           |                               |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng   | 2.432.296.840          | 26.393.676.953        | 2.321.946.665                   | 578.325.500               | 70.980.000                    | 31.797.225.958        |
| Chờ thanh lý                            | -                      | -                     | -                               | -                         | -                             | -                     |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                  |                        |                       |                                 |                           |                               |                       |
| Số đầu năm                              | 11.324.562.200         | 46.953.490.095        | 2.476.521.067                   | 852.645.204               | 73.308.921                    | 61.680.527.487        |
| Khấu hao trong năm                      | 831.554.789            | 2.195.336.271         | 89.908.680                      | 39.711.808                | 63.847.768                    | 3.220.359.316         |



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

|                                            | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải, truyền<br>dẫn | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý | Tài sản cố<br>định hữu hình<br>khác | Cộng                  |
|--------------------------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| Thanh lý, nhượng bán                       | (828.945.557)             | (15.546.085.869)       | -                                     | (211.855.241)                | -                                   | (16.586.886.667)      |
| Giảm do xuất tài sản<br>để chỉ tạo máy móc | -                         | (74.657.853)           | -                                     | -                            | -                                   | (74.657.853)          |
| <b>Số cuối năm</b>                         | <b>11.327.171.432</b>     | <b>33.528.082.644</b>  | <b>2.566.429.747</b>                  | <b>680.501.771</b>           | <b>137.156.689</b>                  | <b>48.239.342.283</b> |
| Giá trị còn lại                            |                           |                        |                                       |                              |                                     |                       |
| Số đầu năm                                 | 8.607.143.537             | 16.554.157.903         | 546.171.326                           | 134.066.137                  | 116.747.325                         | 25.958.286.228        |
| <b>Số cuối năm</b>                         | <b>8.912.259.905</b>      | <b>16.220.137.175</b>  | <b>456.262.646</b>                    | <b>356.975.420</b>           | <b>265.641.012</b>                  | <b>26.211.276.158</b> |
| Trong đó:                                  |                           |                        |                                       |                              |                                     |                       |
| Tạm thời chưa sử<br>dụng                   | -                         | -                      | -                                     | -                            | -                                   | -                     |
| Đang chờ thanh lý                          | -                         | -                      | -                                     | -                            | -                                   | -                     |

**10. Tài sản cố định vô hình**

|                    | Nguyên giá        | Hao mòn lũy kế    | Giá trị còn lại   |
|--------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Số đầu năm         | 40.400.000        | 8.123.437         | 32.276.563        |
| Khấu hao trong năm |                   | 8.079.996         |                   |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>40.400.000</b> | <b>16.203.433</b> | <b>24.196.567</b> |

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                                                          | Số đầu năm | Chi phí phát<br>sinh trong năm | Kết chuyển<br>vào TSCĐ<br>trong năm | Số cuối năm          |
|----------------------------------------------------------|------------|--------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định                                  | -          | 161.009.091                    | (161.009.091)                       | -                    |
| Xây dựng cơ bản dở dang                                  | -          | 2.728.348.025                  | (1.474.005.600)                     | 1.254.342.425        |
| Hạng mục cải tạo máy làm<br>tủ xếp                       | -          | 245.000.000                    | (245.000.000)                       | -                    |
| Hạng mục làm mới khu Văn<br>phòng (tầng trệt)            | -          | 993.197.250                    | (993.197.250)                       | -                    |
| Hạng mục làm mới khu nhà<br>vệ sinh và cải tạo văn phòng | -          | 1.490.150.775                  | (235.808.350)                       | 1.254.342.425        |
| <b>Cộng</b>                                              | -          | <b>2.889.357.116</b>           | <b>(1.635.014.691)</b>              | <b>1.254.342.425</b> |

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                           | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Tổ hợp Dệt Tiền Phương    | 756.525.000          | 617.011.230          |
| Công ty Cổ phần Liworldco | 733.730.425          | 377.699.696          |
| Các nhà cung cấp khác     | 3.876.191.224        | 4.431.972.886        |
| <b>Cộng</b>               | <b>5.366.446.649</b> | <b>5.426.683.812</b> |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                             | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Địa ốc Tân Phú | 9.000.000.000        | 9.000.000.000        |
| Các khách hàng khác         | 118.157.271          | 346.426              |
| <b>Cộng</b>                 | <b>9.118.157.271</b> | <b>9.000.346.426</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Ấu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                                        | Số đầu năm           |                   | Số phát sinh trong năm |                        | Số cuối năm          |                   |
|----------------------------------------|----------------------|-------------------|------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|
|                                        | Phải nộp             | Phải thu          | Số phải nộp            | Số đã thực nộp         | Phải nộp             | Phải thu          |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa             | 218.168.839          | -                 | 1.737.048.776          | (1.825.052.626)        | 130.164.989          | -                 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu               | -                    | -                 | 127.325.000            | (127.325.000)          | -                    | -                 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 2.663.317.321        | -                 | 4.458.121.117          | (2.811.317.321)        | 4.310.121.117        | -                 |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | -                    | 37.017.748        | 427.206.686            | (485.029.447)          | -                    | 94.840.509        |
| Tiền thuế đất                          | -                    | -                 | 312.950.304            | (312.950.304)          | -                    | -                 |
| Các loại thuế khác                     | -                    | -                 | 4.000.000              | (4.000.000)            | -                    | -                 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 8.845.249            | -                 | 30.893.945             | (231.385)              | 39.507.809           | -                 |
| <b>Cộng</b>                            | <b>2.890.331.409</b> | <b>37.017.748</b> | <b>7.097.545.828</b>   | <b>(5.565.906.083)</b> | <b>4.479.793.915</b> | <b>94.840.509</b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|                                                                                                          | Năm nay              | Năm trước            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                        | 21.843.506.712       | 12.775.049.570       |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                      |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                              | 501.291.472          | 648.599.233          |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                              | -                    | -                    |
| Thu nhập chịu thuế                                                                                       | 22.344.798.184       | 13.423.648.803       |
| Thu nhập được miễn thuế                                                                                  | (54.192.600)         | (107.062.200)        |
| Lỗi các năm trước được chuyển                                                                            | -                    | -                    |
| Thu nhập tính thuế                                                                                       | 22.290.605.584       | 13.316.586.603       |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                     | 20%                  | 20%                  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>                                                               | <b>4.458.121.117</b> | <b>2.663.317.321</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Thuế nhà đất, tiền thuế đất**

Thuế nhà đất, tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải thanh toán cho người lao động.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                                    | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
|------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả           | 5.389.038.058        | 29.191.766.897        |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 3.359.107.302        | 5.008.776.376         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>8.748.145.360</b> | <b>34.200.543.273</b> |

**17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

|                                                                                         | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>                                                       | <b>4.413.509.743</b>  | <b>4.524.509.743</b>  |
| Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định – Lãi chậm thanh toán                                  | 4.400.009.743         | 4.400.009.743         |
| Thù lao phải trả các thành viên chủ chốt                                                | 13.500.000            | 124.500.000           |
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>                                             | <b>12.151.340.854</b> | <b>9.430.587.115</b>  |
| Kinh phí công đoàn                                                                      | 157.519.686           | 119.084.046           |
| Công ty Cổ phần Bibica - Phải trả tiền mượn                                             | -                     | 1.700.079.414         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư PDG – Tiền đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh | 1.000.000.000         | 1.000.000.000         |
| Các khoản phải trả khác – không rõ đối tượng                                            | 10.977.702.212        | 5.718.699.290         |
| Chi phí lãi vay phải trả                                                                | -                     | 750.986.564           |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                                                        | 16.118.956            | 141.737.801           |
| <b>Cộng</b>                                                                             | <b>16.564.850.597</b> | <b>13.955.096.858</b> |

**17b. Phải trả dài hạn khác**

Khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

**17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

|                                                                                         | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các bên liên quan</b>                                 | <b>4.400.009.743</b>  | <b>4.400.009.743</b>  |
| Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định                                                        | 4.400.009.743         | 4.400.009.743         |
| <b>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</b>                       | <b>11.977.702.212</b> | <b>6.718.699.290</b>  |
| Công ty Cổ phần Đầu tư PDG – Tiền đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh | 1.000.000.000         | 1.000.000.000         |
| Các khoản phải trả khác – không rõ đối tượng                                            | 10.977.702.212        | 5.718.699.290         |
| <b>Cộng</b>                                                                             | <b>16.377.711.955</b> | <b>11.118.709.033</b> |

**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|                                   | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Vay Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 | 6.000.000.000        | -                    |
| Vay các đối tượng khác            | -                    | 1.299.220.712        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>6.000.000.000</b> | <b>1.299.220.712</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (0) Khoản vay Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 kỳ hạn 03 tháng, lãi suất 10%/năm.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

|                       | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm            | 1.299.220.712        | 1.299.220.712        |
| Số tiền vay phát sinh | 24.000.000.000       | -                    |
| Số tiền vay đã trả    | (18.000.000.000)     | -                    |
| Kết chuyển công nợ    | (1.299.220.712)      | -                    |
| <b>Số cuối năm</b>    | <b>6.000.000.000</b> | <b>1.299.220.712</b> |

**19. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc. Chi tiết phát sinh như sau:

|                                  | <u>Năm nay</u>     | <u>Năm trước</u>   |
|----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm                       | 146.265.450        | 284.662.450        |
| Tăng do trích lập                | 140.076.000        | 103.366.500        |
| Số sử dụng                       | (111.576.000)      | (192.866.500)      |
| Giảm do đã sử dụng các năm trước | -                  | (48.897.000)       |
| <b>Số cuối năm</b>               | <b>174.765.450</b> | <b>146.265.450</b> |

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                             | <u>Vốn đầu tư<br/>của chủ sở<br/>hữu</u> | <u>Quỹ đầu tư<br/>phát triển</u> | <u>Lợi nhuận sau<br/>thuế<br/>chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u>           |
|-----------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước         | 68.400.000.000                           | 9.474.344.616                    | (61.851.240.122)                                 | 16.023.104.494        |
| Lợi nhuận trong năm         | -                                        | -                                | 10.111.732.249                                   | 10.111.732.249        |
| <b>Số dư cuối năm trước</b> | <b>68.400.000.000</b>                    | <b>9.474.344.616</b>             | <b>(51.739.507.873)</b>                          | <b>26.134.836.743</b> |
| Số dư đầu năm nay           | 68.400.000.000                           | 9.474.344.616                    | (51.739.507.873)                                 | 26.134.836.743        |
| Lợi nhuận trong năm         | -                                        | -                                | 17.385.385.595                                   | 17.385.385.595        |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>   | <b>68.400.000.000</b>                    | <b>9.474.344.616</b>             | <b>(34.354.122.278)</b>                          | <b>43.520.222.338</b> |

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                                  | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định | 20.520.000.000        | 20.520.000.000        |
| Các cổ đông khác                 | 47.880.000.000        | 47.880.000.000        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>68.400.000.000</b> | <b>68.400.000.000</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**20c. Cổ phiếu**

|                                     | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 6.840.000          | 6.840.000         |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 6.840.000          | 6.840.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 6.840.000          | 6.840.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -                  | -                 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | -                  | -                 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 6.840.000          | 6.840.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 6.840.000          | 6.840.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -                  | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****21a. Ngoại tệ các loại**

|                 | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 203,26             | 202,36            |
| Euro (EUR)      | 5,66               | 5,66              |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|                            | <u>Năm nay</u>         | <u>Năm trước</u>      |
|----------------------------|------------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm   | 115.096.954.718        | 95.795.259.247        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.798.820.457          | 1.792.345.298         |
| <b>Cộng</b>                | <b>116.895.775.175</b> | <b>97.587.604.545</b> |

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

|                       | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Chiết khấu thương mại | 8.272.143.602        | 6.058.770.281        |
| Hàng bán bị trả lại   | 22.707.575           | 26.046.521           |
| <b>Cộng</b>           | <b>8.294.851.177</b> | <b>6.084.816.802</b> |

**3. Giá vốn hàng bán**

|                                 | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã bán   | 70.074.903.172        | 58.846.263.784        |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 296.555.000           | 296.913.600           |
| <b>Cộng</b>                     | <b>70.371.458.172</b> | <b>59.143.177.384</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                                                             | Năm nay              | Năm trước            |
|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn                                            | 1.067.707.974        | 916.968.885          |
| Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn                                         | 13.647.902           | 9.225.917            |
| Lãi tiền bán chứng khoán                                                    | 177.737.292          | -                    |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                                                 | 54.192.600           | 107.062.200          |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | -                    | 429.828              |
| <b>Cộng</b>                                                                 | <b>1.313.285.768</b> | <b>1.033.686.830</b> |

**5. Chi phí tài chính**

|                                                               | Năm nay           | Năm trước          |
|---------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay                                               | 59.863.014        | -                  |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh                                | -                 | 1.662.364          |
| Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh | (2.194.500)       | 420.898.600        |
| Chi phí tài chính khác                                        | 3.041.667         | 4.078.012          |
| <b>Cộng</b>                                                   | <b>60.710.181</b> | <b>426.638.976</b> |

**6. Chi phí bán hàng**

|                                  | Năm nay              | Năm trước            |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 1.607.018.079        | 1.313.058.558        |
| Chi phí vật liệu, bao bì         | -                    | 380.951.155          |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng         | 1.704.744            | 82.500.000           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 116.267.424          | 89.979.537           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.661.500.150        | 1.478.768.592        |
| Các chi phí khác                 | 3.174.808.135        | 3.040.814.875        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>6.561.298.532</b> | <b>6.386.072.717</b> |

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                     | Năm nay               | Năm trước             |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên               | 12.258.365.353        | 9.208.380.824         |
| Chi phí đồ dùng văn phòng           | 252.098.446           | 109.778.831           |
| Chi phí khấu hao TSCĐ               | 233.664.826           | 103.495.140           |
| Thuế, phí và lệ phí                 | 63.888.483            | 61.694.228            |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi | -                     | (132.189.118)         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài           | 36.369.139            | -                     |
| Các chi phí khác                    | 2.123.863.969         | 3.979.473.881         |
| <b>Cộng</b>                         | <b>14.968.250.216</b> | <b>13.330.633.786</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Thu nhập khác**

|                                          | Năm nay              | Năm trước          |
|------------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 198.731.100          | -                  |
| Lãi vay quá hạn được miễn                | 3.978.222.121        | -                  |
| Thu nhập từ thanh lý phế liệu            | 208.856.573          | 149.940.365        |
| Thu nhập khác                            | 6.495.725            | 3.947.538          |
| <b>Cộng</b>                              | <b>4.392.305.519</b> | <b>153.887.903</b> |

**9. Chi phí khác**

|                                          | Năm nay            | Năm trước          |
|------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Phạt chậm nộp và phạt vi phạm hành chính | 363.802.592        | 519.470.844        |
| Chi phí khác                             | 137.488.880        | 109.319.199        |
| <b>Cộng</b>                              | <b>501.291.472</b> | <b>628.790.043</b> |

**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

|                                                                             | Năm nay        | Năm trước      |
|-----------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                            | 17.385.385.595 | 10.111.732.249 |
| Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát              | -              | -              |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                            | 17.385.385.595 | 10.111.732.249 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 6.840.000      | 6.840.000      |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                    | <b>2.542</b>   | <b>1.478</b>   |

**10b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 51.313.765.199        | 44.029.279.639        |
| Chi phí nhân công                | 26.798.377.615        | 21.347.883.303        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.228.439.312         | 3.131.909.698         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.130.467.917         | 1.907.453.093         |
| Chi phí khác                     | 9.887.639.359         | 11.300.266.274        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>93.358.689.402</b> | <b>81.716.792.007</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### Các giao dịch không bằng tiền

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ liên quan đến tài sản cố định như sau:

|                                                 | Số cuối năm   | Số đầu năm  |
|-------------------------------------------------|---------------|-------------|
| Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ | -             | 107.648.945 |
| Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định          | 5.541.750.419 | -           |

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

|                        | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 1.368.314.735        | 1.351.635.453        |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 2.742.153.854        | 4.110.468.588        |
| <b>Cộng</b>            | <b>4.110.468.588</b> | <b>5.462.104.041</b> |

Các khoản thu tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền cho thuê 300 m<sup>2</sup> kho tại Lô 52, 53, 54/1 đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh với giá cho thuê là 26.460.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.
- Tổng số tiền cho thuê 1.299,6 m<sup>2</sup> mặt bằng tại số 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá cho thuê là 75.643.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 10 năm tính từ ngày 11 tháng 5 năm 2013.

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.871.254.280 VND (cùng kỳ năm trước là 1.418.959.062 VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định, cổ đông chiếm 30% vốn điều lệ.

##### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

##### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.17.

#### 3. *Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính*

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thanh Tâm  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2020



Phạm Xuân Đồng  
Tổng Giám đốc

